

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 22-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm, ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Ánh T - sinh năm 1981 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 8, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình C (đã chết) và bà Bùi Thị H (đã chết); chồng: Phan Văn H - sinh năm 1976, con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/9/2021 tại khu vực đường tỉnh lộ 324 thuộc khu 14, xã C, huyện L, Bùi Hoàng N, Phan Đăng D và Phan Văn T đã có hành vi sử dụng gạch đất nung, chân, tay đánh anh Khổng Văn Đ, hậu quả anh Đ bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 33%. Bùi Hoàng N, Phan Đăng D và Phan Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn Tòa

án nhân dân huyện Lâm Thao chuẩn bị xét xử, Lê Thị Ánh T - sinh năm 1981 trú tại khu 8, xã P, huyện L là mẹ đẻ của Phan Đăng D muốn Phan Đăng D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã sử dụng mạng Internet tìm kiếm nội dung “chạy giảm nhẹ tội trước khi bị xét xử”. T không nhớ rõ đã tìm kiếm trên nền tảng mạng hay ứng dụng nào cụ thể, T thấy số điện thoại quảng cáo làm các dịch vụ để giảm nhẹ hình phạt khi xét xử. Thông qua tài khoản mạng xã hội zalo được lập từ số điện thoại 0975376394 bằng điện thoại di động, T gọi liên hệ với tài khoản zalo của người có số điện thoại này. Qua trao đổi, người sử dụng số điện thoại trên đồng ý giúp và yêu cầu T cung cấp một số thông tin về nhân thân và hành vi phạm tội của Phan Đăng Dương. Lê Thị Ánh T cho người này địa chỉ nhà ở để tiện liên lạc. Vài ngày sau, vào khoảng 18 giờ thì có một người nam giới khoảng 30 tuổi, cao khoảng 1m70, đầu đội mũ bảo hiểm, mặt đeo khẩu trang đi xe mô tô đến cổng nhà T, tại đây người này giới thiệu là người trước đó T đã trao đổi về việc của Phan Đăng D, T hỏi người này là ai, ở đâu, có mối quan hệ với ai mà có thể giúp T giải quyết giảm nhẹ hình phạt cho Phan Đăng D. Người này nói “đó là chuyện cơ mật, không thể nói cho biết được”. T và người đàn ông này thỏa thuận là giúp T thì T phải trả 20.000.000 đồng, T đồng ý nên người đàn ông này đưa cho T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có lắp sim điện thoại để liên lạc, danh bạ điện thoại đã lưu số thuê bao của người này. T không nhớ số điện thoại đã cài đặt trong máy, cũng không nhớ số điện thoại để liên lạc với người đàn ông đưa điện thoại cho T. Ngày hôm sau người đàn ông này gọi đến số điện thoại đã đưa cho T và yêu cầu T chuyển 20.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển các mã nạp thẻ điện thoại của các nhà mạng viễn thông di động. Sau khi tìm kiếm trên mạng, T đã sử dụng số điện thoại của người đàn ông đưa và liên hệ mua 20.000.000 đồng tiền thẻ nạp điện thoại của các nhà mạng khác nhau và được người bán là người phụ nữ trực tiếp mang đến nhà đưa, T thanh toán cho người bán thẻ nạp tiền điện thoại bằng tiền mặt. T không xác định được đặc điểm, thông tin liên hệ của người này. Sau khi có thẻ điện thoại T đã gửi số thẻ tổng trị giá 20.000.000 đồng theo đúng yêu cầu.

Khoảng 02 đến 03 ngày sau, lúc đó khoảng 18 giờ 30 phút thì người đàn ông nói trên một mình đến cổng nhà T, khi gặp đã đưa cho T tờ giấy A4 có nội dung “Công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang do thương tá Nguyễn Hoàng Long - Phó trưởng phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ký, gửi Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao và Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Phan Đăng D, với lý do: Hồi 21 giờ 15 phút ngày 09 tháng 10 năm 2021 tại khu Mậu Thông, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Phan Đăng D đã cung cấp thông tin giúp Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang bắt giữ Đặng Hồng Q, sinh năm 1993 trú tại đội 2, xóm X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội là đối tượng đang bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang truy nã về tội “Trộm cắp tài sản”. Khi đưa tờ công văn đã dẫn T là đem tài liệu này đến Tòa án nhân dân huyện Lâm

Thao giao nộp để Phan Đăng D được giảm nhẹ hình phạt theo quy định của pháp luật, đồng thời thu lại chiếc điện thoại di động có lắp sim đã đưa cho T trước đó.

Ngày 27/7/2022 Lê Thị Ánh T đến Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giao nộp. Sau đó T thăm gặp Phan Đăng D đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ, khi thăm gặp đã nói với Phan Đăng D là “khi ra tòa án nếu có ai hỏi con có thành tích gì trong cuộc sống sinh hoạt không thì con nói ngày 09/10/2021 khi đi chơi tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, con gặp đối tượng đang bị truy nã và con đã báo cho cơ quan công an nơi gần nhất”. D hỏi lại T chi tiết vụ việc như thế nào thì T trả lời “con chỉ cần biết như thế, mọi việc mẹ đã lo hết rồi”.

Tại phiên tòa xét xử ngày 25 và ngày 30/8/2022 đối với Phan Đăng D, Phan Văn T và Bùi Hoàng N, khi hỏi Phan Đăng D có thành tích gì không, Phan Đăng D trình bày bản thân đã có thành tích giúp đỡ cơ quan Công an tỉnh Tuyên Quang bắt đối tượng đang bị truy nã nhưng không trả lời được chi tiết như nội dung công văn số “86/CSHS”. Nghi vấn tài liệu T giao nộp có dấu hiệu bị làm giả, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao hoãn phiên tòa để xác minh, làm rõ tính xác thực của công văn số “86/CSHS”. Ngày 14/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã trực tiếp xác minh tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết quả xác định: Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang không phát hành văn bản số “86/CSHS” như T giao nộp”. Ngày 16/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao đã chuyển các tài liệu liên quan đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao để xem xét về hành vi có dấu hiệu tội phạm sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo Điều 341 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Thị Ánh T và Phan Đăng D.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã thu thập mẫu chữ ký của thượng tá Nguyễn Hoàng Long - Phó Trưởng phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang; một số văn bản của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang đã phát hành do thượng tá Nguyễn Hoàng Long ký; mẫu dấu của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Ngày 04/10/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký và con dấu của công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Lê Thị Ánh T giao nộp tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao. Tại bản kết luận giám định số 1447/KLGD-KTHS ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

- Chữ ký đứng tên Thượng tá Nguyễn Hoàng Long dưới mục “KT. Trưởng phòng CSHS - Phó trưởng phòng” trên “Công văn số 86/CHSH ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang” (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký của Thượng tá Nguyễn Hoàng Long trên “02 tờ thu mẫu chữ ký ngày 28 tháng 9 năm 2022” và dưới mục “Thủ trưởng

đơn vị” trên “03 văn bản do Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang phát hành ngày 17 tháng 12 năm 2021” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Công an tỉnh Tuyên Quang - Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang” (Tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên “02 tờ thu mẫu hình dấu tròn của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang ngày 28 tháng 9 năm 2022” (Tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Ngày 09/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao thi hành lệnh khám xét nơi ở đối với T, khi khám xét đã phát hiện tạm giữ tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ tầng 1 gồm 04 tờ giấy A4 là bản photocopy “Công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021”.

Qua xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ, tháng 8/2022 Lê Thị Ánh T có 01 lần thăm gặp Phan Đăng D vào ngày 04/8/2022. Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ khẳng định khi thăm gặp, cán bộ quản giáo của Trại tạm giam đã thực hiện đúng, đủ chức trách, nhiệm vụ được phân công, đảm bảo T không chuyển đồ vật, tài liệu nào không được phép cho Phan Đăng D.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao đã đề nghị Ban thanh tra kiểm toán - tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội cung cấp thông tin về chủ thuê bao, danh sách chi tiết cuộc gọi, tin nhắn, nội dung cuộc gọi, tin nhắn của thuê bao 0366430327, 0975376394 thời điểm từ 01/7/2022 đến 30/7/2022, đây là hai số thuê bao di động Lê Thị Ánh T và chồng là Phan Văn H sử dụng thường ngày. Trên cơ sở kết quả cung cấp thông tin của phòng quản lý bán hàng Viettel Phú Thọ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao cùng Lê Thị Ánh T đã nhập các số điện thoại phát sinh cuộc gọi đi từ số thuê bao 0366430327, 0975376394 vào thanh công cụ “tìm kiếm” của ứng dụng zalo nhằm tìm kiếm tài khoản zalo mà T đã liên lạc, cung cấp thông tin để làm tài liệu giả nhưng không xác định được tài khoản zalo có nghi vấn liên quan. Chiếc điện thoại T sử dụng liên lạc với người nam giới giúp T giải quyết giảm nhẹ hình phạt cho Phan Đăng D thì T đã làm mất.

Về tài sản của bị cáo: Bị cáo có tài sản chung với chồng là nhà và quyền sử dụng đất ở tại xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSLT ngày 03 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố bị cáo Lê Thị Ánh T về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao không thay đổi, bổ sung cáo trạng, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Ánh T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Ánh T.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh T 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị Ánh T cho UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lê Thị Ánh T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị Ánh T. Buộc bị cáo Lê Thị Ánh T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Hành vi thực hiện của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị Ánh T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 30/9/2021 tại khu vực trước cửa quán Karaoke Newgold ở khu 14, xã Cao Xá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, Phan Đăng D là con trai của Lê Thị Ánh T đã cùng một số người khác thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Không Văn Đ. Hậu quả anh Đ bị thương tích tỷ lệ % tổn thương cơ thể là 33%. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố Phan Đăng D về tội “Cố ý gây

thương tích” theo Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Để Phan Đăng D được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Lê Thị Ánh T lên mạng Internet tìm kiếm nội dung “chạy giảm nhẹ tội trước khi bị xét xử” thì thấy số điện thoại quảng cáo về làm các dịch vụ để giảm nhẹ hình phạt khi xét xử, T đã sử dụng điện thoại di động gọi bằng zalo vào số tài khoản này, qua trao đổi thì T và người này thống nhất là người này giúp T và T phải trả cho người này 20.000.000 đồng. Khoảng 2 đến 3 ngày kể từ ngày chuyển tiền xong, người đàn ông này đến đưa cho Lê Thị Ánh T tờ giấy A4 có nội dung là “Công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao và Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Phan Đăng D với lý do là Phan Đăng D giúp Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang bắt giữ đối tượng đang bị truy nã”. Sau khi có công văn này, Lê Thị Ánh T đến nộp cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phan Đăng D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao khi khám xét nơi ở của Lê Thị Ánh T đã thu giữ 04 tờ giấy A4 photocopy có nội dung là công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra; Biên bản xác minh tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang; Vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021 là tài liệu giả của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang nhưng vẫn giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao để làm tình tiết giảm nhẹ cho con trai của bị cáo đang bị xét xử về một tội phạm hình sự. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động và uy tín của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu. Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng tài liệu giả của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang là vi phạm pháp luật nên không tranh luận gì. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thị Ánh T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như sau:

“Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

Đối với người đưa công văn số 86/CSHS ngày 02/11/2021 là tài liệu giả của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang cho bị cáo nhưng bị cáo

không xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không làm rõ được để xử lý trách nhiệm hình sự.

Phan Đăng Dương và Lê Thị Ánh T là mẹ con, không biết Lê Thị Ánh T sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phan Đăng D. Vì vậy, không xử lý trách nhiệm hình sự đối Phan Đăng D trong vụ án này là phù hợp.

[3] Tính chất vụ án: Xét thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Vì vậy, đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân; Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là “Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không bị Tòa án xét xử hoặc cơ quan hành chính ra quyết định xử phạt hành chính nên nhân thân của bị cáo là tốt, lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, chỉ cần phạt bị cáo cải tạo không giam giữ và có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào quy định của pháp luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp. Về khẩu trừ thu nhập, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, hàng tháng không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo có tài sản là nhà và đất nên phạt bị cáo một khoản tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ 04 tờ giấy A4 là bản photocopy “Công văn số 86/CSHS ngày 02 tháng 11 năm 2021” của bị cáo Lê Thị Ánh T, mặc dù 04 tờ giấy này không có giá trị sử dụng nhưng đang lưu giữ trong hồ sơ nên tiếp tục lưu hồ sơ.

Chiếc điện thoại di động của bị cáo đã sử dụng trao đổi mua tài liệu giả, bị cáo đã làm mất nên không thu hồi được. Vì vậy, không tịch thu chiếc điện thoại của bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ánh T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lâm Thao nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lê Thị Ánh T cho UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Lê Thị Ánh T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thị Ánh T. Buộc bị cáo Lê Thị Ánh T phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị Ánh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã P;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên